

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2024

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh,. Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” thụ lý số 13/2024/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2024/QĐXX- ST ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Hà M, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990

Đều có nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Hà M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ngoại tình dẫn đến có con riêng với người khác về nhà không quan tâm đến vợ, con, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 02/12/2014. Nay ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng T trình bày:* Do điều kiện phải đi làm ăn, không có mặt ở nhà nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và giải quyết vắng mặt anh.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hà M được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn H, sinh ngày 02/12/2014 cho chị Hà M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Chị M không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Hà M và anh Nguyễn Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 13/02/2014. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chung thủy, có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác về nhà không quan tâm đến vợ, con, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hà M được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 02/12/2014. Nay ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án anh Nguyễn Trọng T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không có ý kiến gì về phần con chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/4/2024, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Hiện tại anh T làm lao động tự do, thu nhập cụ thể bao nhiêu địa phương không nắm được, còn chị M làm công nhân, có công việc và thu nhập ổn định.

Xét thấy cháu Nguyễn H đang còn nhỏ, là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị M có công việc và thu nhập ổn định, nên có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị M về phần con chung, giao cháu Nguyễn H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản, nợ: Chị M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hà M được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn H, sinh ngày 02/12/2014 cho chị Hà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trọng T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0002771 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS TS;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan